

5.



A.xie

B.xiè

C.xià

D.xié

6.



A. niú

B.niū

C.niù

D.niǔ

7.



A. zǎo shàng hǎo早上好

B. shàng wǔ hǎo上午好

C. xià wǔ hǎo下午好

D. wǎn shàng hǎo晚上好

8.



A. huán yíng guāng lín

B.huān yíng guāng lǐn

C. huān yíng guàng lín

D.huān yíng guāng lín

9.



nǐ hǎo你好, wǒ shì tā de我是他的_____。

A. tóng xué同学

B. péng yǒu朋友

C. mì shū秘书

D. jīng lǐ经理

10.  qǐng wèn, nǐ shì _____ ma?
请问，你是_____吗？

A. liú lǎo shī
刘老师

B. liú xiǎo jiě
刘小姐

C. liú jīng lǐ
刘经理

D. liú xiānshēng
刘先生

二、AB对话。

A: nǐ hǎo 你好！	B:
A: zǎoshàng hǎo! 早上好！	B:
A: xièxiè nǐ 谢谢你！	B:
A: duì bù qǐ 对不起！	B:
A: hěn gāoxìng rènshi nǐ 很高兴认识你。	B:

